

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 25

272  
CH  
C  
ACH  
EM T  
B  
T  
TU

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty điều hành Công ty tại ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Nhân Báo	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hải Thanh Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Gia Báo	Thành Viên
Ông Lê Hồ Ánh	Thành viên
Ông Dương Quốc Chính	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Nhân Báo	Tổng Giám đốc
Ông Dương Quốc Chính	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Thanh Long	Giám đốc tài chính (bổ nhiệm ngày 15/12/2014)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Nguyễn Nhân Báo  
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 03 năm 2015

Số: 0703 /2015/BCTC-KTV/HN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng quản trị  
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23/03/2015, từ trang 04 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


#### Ý kiến của kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán-Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội



  
VĂN NAM HẢI  
Phó Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0832-2013-037-1

  
NGUYỄN NGỌC TÚ  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2305-2014-037-1

CHI NHÁNH  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
KIỂM TOÁN - TƯ VẤN  
ĐẤT VIỆT  
TẠI HÀ NỘI

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>167.550.113.110</b>	<b>72.285.826.025</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>11.698.678.192</b>	<b>5.677.465.915</b>
1. Tiền	111	V.1	11.698.678.192	5.677.465.915
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>-</b>	<b>6.100.896.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	6.100.896.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>150.894.167.545</b>	<b>60.122.812.237</b>
1. Phải thu khách hàng	131		81.556.811.603	23.829.229.199
2. Trả trước cho người bán	132		58.829.955.936	1.187.163.402
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	10.507.400.006	35.106.419.636
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.4</b>	<b>8.272.727</b>	<b>45.208.182</b>
1. Hàng tồn kho	141		8.272.727	45.208.182
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.948.994.646</b>	<b>339.443.691</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	455.345.981	229.275.691
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		628.812.283	-
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	3.864.836.382	110.168.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>474.294.049.984</b>	<b>348.257.201.000</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>369.753.233.583</b>	<b>299.077.201.000</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	14.224.224.769	16.397.385.041
- Nguyên giá	222		14.345.420.849	19.345.935.933
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(121.196.080)	(2.948.550.892)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	295.314.025.000	223.202.331.000
- Nguyên giá	228		295.314.025.000	223.202.331.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	60.214.983.814	59.477.484.959
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>104.540.816.401</b>	<b>49.180.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	86.540.816.401	48.180.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	18.000.000.000	1.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>641.844.163.094</b>	<b>420.543.027.025</b>

(\*) Đây là năm đầu tiên Công ty thực hiện Báo cáo tài chính hợp nhất, do đó cột so sánh 'Số đầu năm' đang được lấy theo số liệu của Báo cáo mệ.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>29.460.469.296</b>	<b>42.012.015.221</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>18.660.469.296</b>	<b>5.945.009.219</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		13.041.524.724	685.591.514
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	4.848.205.727	4.239.527.985
5. Phải trả người lao động	315		193.622.103	339.557.010
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	577.116.742	680.332.710
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.800.000.000</b>	<b>36.067.006.002</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	10.800.000.000	36.067.006.002
<b>B. NGUỒN VỐN</b>	<b>400</b>		<b>587.642.376.638</b>	<b>378.531.011.804</b>
<b>I. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>587.642.376.638</b>	<b>378.531.011.804</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		545.998.130.000	363.998.750.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(172.650.000)	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		41.816.896.638	14.532.261.804
<b>C. LỢI ÍCH CỘNG ĐỒNG THIỂU SỐ</b>	<b>500</b>		<b>24.741.317.160</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>641.844.163.094</b>	<b>420.543.027.025</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
5	Ngoại tệ các loại USD		5.646,27	44,29

*Đã ký và niêm dấu tiên Công ty thực hiện Báo cáo tài chính hợp nhất, do đó cột so sánh 'Số đầu năm' đang được lấy theo số liệu của Báo cáo mẹ.*



Nguyễn Nhân Bảo  
 Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 03 năm 2015

*Handwritten signature*

Cao Thị Bích Loan  
 Kế toán trưởng

*Handwritten signature*

Đỗ Nguyễn Tuyết Vân  
 Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN/HN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	101.806.464.515	43.750.701.155
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	101.806.464.515	43.750.701.155
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	69.885.733.922	27.320.463.940
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.920.730.593	16.430.237.215
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.632.286.692	6.991.898.865
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.489.318.156	7.939.626.552
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.489.318.156	7.939.626.552
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.394.944.817	6.708.305.831
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.668.754.312	8.774.203.697
11. Thu nhập khác	31		23.352.034.019	22.000.040.000
12. Chi phí khác	32		13.503.306.000	14.410.585.477
13. Lợi nhuận khác	40	VI.5	9.848.728.019	7.589.454.523
14. Lợi nhuận từ liên doanh, liên kết	45		100.816.401	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.618.298.732	16.363.658.220
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	7.565.667.528	4.045.903.592
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.052.631.204	12.317.754.628
18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số			232.829.973	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			27.819.801.231	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	653	346



Đây là năm đầu tiên Công ty thực hiện Báo cáo tài chính hợp nhất, do đó cột so sánh 'Số năm trước' đang được xây dựng theo sơ đồ của Báo cáo mẹ.

Nguyễn Nhân Bảo  
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2015

Cao Thị Bích Loan  
Kế toán trưởng

Đỗ Nguyễn Tuyết Vân  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 03-DN/HN**  
Đơn vị tính: VND

	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH OANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	35.618.298.732	16.363.658.220
Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao TSCĐ	02	752.287.233	1.007.822.604
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(13.682.273.093)	(6.991.898.865)
Chi phí lãi vay	06	1.489.318.156	7.939.626.552
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn	08	24.177.631.028	18.319.208.511
Tăng giảm các khoản phải thu	09	(54.755.286.616)	24.018.674.659
Tăng giảm hàng tồn kho	10	36.935.455	(12.724.227)
Tăng giảm các khoản phải trả	11	(3.034.676.595)	709.295.160
Tăng giảm chi phí trả trước	12	(226.070.290)	516.765.452
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.489.318.156)	(7.939.626.552)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.606.183.418)	(2.560.428.212)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.451.832.001	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(14.240.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(41.445.136.591)	33.036.924.791
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(102.561.683.816)	(12.182.770.474)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	17.307.476.000	22.000.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(53.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	77.100.896.000	27.399.104.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(51.160.000.000)	(40.100.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	6.277.600.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.047.286.686	6.991.898.865
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(109.266.025.130)	10.385.832.391
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	181.999.380.000	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	48.191.406.314	25.431.645.175
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(73.458.412.316)	(67.870.363.734)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	156.732.373.998	(42.438.718.559)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	6.021.212.277	984.038.623
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.677.465.915	4.693.427.292
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	11.698.678.192	5.677.465.915

\* Đặc biệt năm đầu tiên Công ty thực hiện Báo cáo tài chính hợp nhất, do đó cột so sánh 'Số năm trước' đang được lấy theo số liệu của Báo cáo mề.



Nguyễn Nhân Bảo  
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 03 năm 2015

Cao Thị Bích Loan  
Kế toán trưởng

Đỗ Nguyễn Tuyết Vân  
Người lập biểu



**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1. Công ty mẹ**

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh nghiệp Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu số 0305087904 ngày 10/07/2007, thay đổi lần thứ 7 ngày 26 tháng 04 năm 2014, Công ty chuyển trụ sở về Số 81-83-85 Tòa nhà Fideco Tower, đường Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà; Kinh doanh khu dân cư, khu du lịch và khu vui chơi giải trí; công trình công cộng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình thể thao ngoài trời.
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú.
- Vệ sinh chung nhà cửa; Vệ sinh nhà cửa. Chi tiết: Vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác. Vệ sinh bề bơi hoặc bảo dưỡng. Dịch vụ tẩy uế và diệt trùng; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.
- Hoạt động của các cơ sở thể thao. Chi tiết: Bể bơi và sân vận động; Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- Buôn bán đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (trừ dược phẩm).
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới ...); Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê du thuyền; Đại lý, môi giới, đấu giá (trừ môi giới bất động sản); Vận tải hành khách ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Vận tải hành khách đường thủy nội địa.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường thủy. Hoạt động của cảng biển, cảng sông, bến tàu, cầu tàu. Hoạt động hoa tiêu, lái đò, đưa tàu cập bến. Hoạt động của tàu, xà lan, lash, hoạt động cứu hộ.
- Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác và thu gom than bùn; Khai thác và thu gom than non (Không hoạt động tại trụ sở).
- Khai thác quặng sắt (Không hoạt động tại trụ sở); Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Chi tiết: Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Không hoạt động tại trụ sở); Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Không hoạt động tại trụ sở).
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón (Không hoạt động tại trụ sở).
- Khai thác muối (Không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: chế biến quặng titan; chế biến than cứng và than non (Không hoạt động tại trụ sở).
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn than cứng và than non; bán buôn quặng titan (Không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn thìa, muỗng, bát, đĩa, dụng cụ bếp. Mua bán thiết bị phụ tùng, hàng trang trí nội thất, hàng kim khí điện máy, đồ gỗ xây dựng.
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn than đá, than củi (Không hoạt động tại trụ sở); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Bốc xếp hàng hóa; Bán mô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán ô tô.
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. Chi tiết: Mua bán phụ tùng mô tô, xe máy. Chi tiết: Mua bán phụ tùng ô tô. Mua bán phụ tùng xe máy

**Trụ sở chính Công ty tại:** Số 81-83-85 Tòa nhà Fideco Tower, đường Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Công ty con

*Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại ASCENTRO*

- \* Địa chỉ: Số 81-83-85 Tòa nhà Fideco Tower, đường Hàm Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- \* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2014: 51%
- \* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2014: 51%

3. Công ty liên kết

*Công ty Cổ phần Đầu tư và Đào tạo Toàn Cầu*

- \* Địa chỉ: 192/2 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
- \* Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2014: 49%
- \* Quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2014: 49%

*Công ty TNHH Miền Đông Thảo*

- \* Địa chỉ: Lô M5 Khu Á Châu, đường Hoàng Hoa Thám, Phường 2, TP. Vũng Tàu
- \* Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2014: 30%
- \* Quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2014: 30%

*Công ty TNHH TM&XD Long Sơn*

- \* Địa chỉ: 05 đường số 05, Khu phố 5, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
- \* Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2014: 45,24%
- \* Quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2014: 45,24%

*Công ty TNHH Sản xuất nước giải khát Mercury*

- \* Địa chỉ: 07 Hoàng Diệu, Phường 10, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
- \* Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2014: 48,33%
- \* Quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2014: 48,33%

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

#### 4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

##### *Nguyên giá*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định đem trao đổi.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu tặng, được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu hoặc giá trị danh nghĩa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

##### *Khấu hao*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 15

#### 5. Tài sản cố định vô hình

Mọi chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra thoả mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau mà không hình thành tài sản cố định hữu hình thì được coi là tài sản cố định vô hình: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

##### *Nguyên giá*

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành trong quá trình sáp nhập doanh nghiệp có tính chất mua lại là giá trị hợp lý của tài sản đó vào ngày mua.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn khi được giao đất hoặc sổ tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình được Nhà nước cấp hoặc được tặng, biếu, được xác định theo giá trị hợp lý ban đầu cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng theo dự tính.

## 5. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định vô hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định vô hình nhận về hoặc bằng với giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định vô hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đem trao đổi.

Toàn bộ chi phí nghiên cứu được ghi nhận vào chi phí phát sinh trong kỳ. Chi phí triển khai cho từng dự án chỉ được ghi nhận là tài sản cố định vô hình nếu Công ty đồng thời thỏa mãn được các điều kiện sau: (i) Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản vô hình vào sử dụng theo dự tính hoặc để bán; (ii) Công ty dự định hoàn thành tài sản vô hình để sử dụng hoặc để bán; (iii) Công ty có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản vô hình đó; (iv) Tài sản vô hình đó phải tạo ra được lợi ích kinh tế trong tương lai; (v) Công ty có đầy đủ các nguồn lực về kỹ thuật, tài chính và các nguồn lực khác để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản vô hình đó; (vi) Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản vô hình đó; và (vii) Ước tính có đủ tiêu chuẩn về thời gian sử dụng và giá trị theo quy định cho Tài sản cố định vô hình.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau thì được tính vào nguyên giá tài sản cố định vô hình: (i) Chi phí này có khả năng làm cho tài sản cố định vô hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu; (ii) Chi phí được đánh giá một cách chắc chắn và gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể.

### *Khấu hao*

Tài sản cố định vô hình của Công ty là các quyền sử dụng đất không thời hạn, Công ty không tiến hành trích khấu hao với các tài sản này.

## 6. Các khoản đầu tư tài chính

### *Hợp nhất kinh doanh*

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

*Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác*

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

*Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính*

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

8. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

10. Doanh thu (tiếp theo)

*Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty.

Các khoản vay trong năm được thanh toán thẳng cho các nhà cung cấp. Do đó dòng tiền vay thanh toán trực tiếp không được trình bày trên Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính.

15. Thuế

*Thuế thu nhập hiện hành*

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế khác*

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Tăng khác	1.272.726	-	1.272.726
<b>Giảm trong năm</b>	<b>3.579.642.045</b>	<b>1.272.726</b>	<b>3.580.914.771</b>
Thanh lý, nhượng bán	3.579.642.045	-	3.579.642.045
Giảm khác	-	1.272.726	1.272.726
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>121.196.080</b>	<b>121.196.080</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	16.228.983.265	168.401.776	16.397.385.041
Tại ngày cuối năm	14.090.909.091	133.315.678	14.224.224.769

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu năm	223.202.331.000	223.202.331.000
Tăng trong năm	85.470.000.000	85.470.000.000
Mua trong năm	85.470.000.000	85.470.000.000
Giảm trong năm	13.358.306.000	13.358.306.000
Thanh lý, nhượng bán	13.358.306.000	13.358.306.000
Số dư cuối năm	295.314.025.000	295.314.025.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu năm	223.202.331.000	223.202.331.000
Tại ngày cuối năm	295.314.025.000	295.314.025.000

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để cầm cố thế chấp tại ngày 31/12/2014 là: 4.217.985.000 đồng

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Công trình Chung cư cao cấp (GDD2 -Villa)	45.736.305.314	26.602.699.908
Côn trình xây dựng Biệt thự cao cấp ( Midpoint Villas)	-	28.340.062.405
Khách sạn BOUTIQUE	1.925.067.536	-
Dự án Nhà số 3 đường 65	8.513.433.773	-
Công trình xây dựng cơ bản dở dang khác	4.040.177.191	4.534.722.646
<b>Cộng</b>	<b>60.214.983.814</b>	<b>59.477.484.959</b>

10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Đầu tư và Thương Mại ASCENTRO	-	-	1.290.000	12.900.000.000
Công ty CP Đầu tư và Đào Tạo Toàn Cầu	3.528.000	35.280.000.000	3.528.000	35.280.000.000
Công ty TNHH Miền Đông Thảo	-	8.160.000.000	-	-
Công ty TNHH TM&XD Long Sơn	-	28.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Sản xuất nước giải khát Mercury (*)	-	14.500.000.000	-	-
Lãi (lỗ) từ liên doanh, liên kết		100.816.401	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.528.000</b>	<b>86.540.816.401</b>	<b>4.818.000</b>	<b>48.180.000.000</b>

*Thuyết minh bổ sung về các Công ty liên kết tại ngày 31/12/2014*

	Phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty CP Đầu tư và Đào Tạo Toàn Cầu	49%	49%
Công ty TNHH Miền Đông Thảo	30%	30%
Công ty TNHH TM&XD Long Sơn	45,24%	45,24%
Công ty TNHH Sản xuất nước giải khát Mercury (*)	48,33%	48,33%

(\*) Đây là khoản đầu tư vào Công ty liên kết của Công ty con

**11. Đầu tư tài chính dài hạn khác**

	Cuối năm	Đầu năm
Cho vay dài hạn		
Trần Phương Thảo (*)	-	1.000.000.000
Nguyễn Lưu Như Ý (**)	8.000.000.000	-
Trần Việt Túy (***)	10.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>

(\*) Cho vay với thời hạn cho vay là 3 năm, lãi suất cho vay là 15%/năm, lãi trả một lần vào ngày đáo hạn và được điều chỉnh 6 tháng một lần.

(\*\*) Cho vay theo Hợp đồng vay vốn số: 010714/CVTC-AS ngày 01/07/2014 với thời hạn vay là 16 tháng, lãi suất vay 6,5%/năm. Lãi trả một lần vào ngày đáo hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay là tín chấp.

(\*\*\*) Cho vay theo Hợp đồng vay vốn số: 020714/CVTC-AS ngày 01/07/2014 với thời hạn vay là 16 tháng, lãi suất vay 6,5%/năm. Lãi trả một lần vào ngày đáo hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay là tín chấp.

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	1.828.862.094	184.328.325
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.011.368.895	4.045.903.592
Thuế thu nhập cá nhân	7.474.738	9.296.068
Các loại thuế khác	500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.848.205.727</b>	<b>4.239.527.985</b>

**13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	22.284.685	12.504.560
Bảo hiểm xã hội	-	44.499.370
Bảo hiểm y tế	1.517.241	10.548.234
Bảo hiểm thất nghiệp	402.466	4.139.796
Các khoản phải trả, phải nộp khác	552.912.350	608.640.750
<b>Cộng</b>	<b>577.116.742</b>	<b>680.332.710</b>



14. Vay và nợ dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Ngân hàng TMCP Á Châu (i)		12.438.006.002
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN HCM (ii)	10.800.000.000	23.629.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.800.000.000</b>	<b>36.067.006.002</b>

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Á Châu theo Hợp đồng vay số 78769259 ngày 10/05/2010, với thời hạn 84 tháng. Số tiền vay là 23 tỷ đồng. Lãi suất vay năm 2014 11-13%/năm. Mục đích là thanh toán tiền đất và Xây dựng căn hộ cao cấp. Tài sản đảm bảo là các quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất hình thành trong tương lai theo hợp đồng thế chấp số SGD.CA.01090709.
- (ii) Vay ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP bank) - Chi nhánh Thành phố HCM theo Hợp đồng tín dụng số N01100116-DHXD ngày 19/08/2011 và các Phụ lục hợp đồng số 01, 02, 03, 04, 05. Hạn mức vay 36.000.000.000 đồng. Lãi suất vay trong năm 2014 từ 11-12%/năm. Mục đích vay hoàn trả một phần tiền đất và đầu tư xây dựng căn hộ. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của Công ty.

15. Vốn chủ sở hữu

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần (*)	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>NĂM TRƯỚC</b>				
Số dư đầu năm	350.000.000.000	-	16.555.257.176	366.555.257.176
Tăng vốn	13.998.750.000			13.998.750.000
Lãi (lỗ) trong năm	-		12.317.754.628	12.317.754.628
Chia cổ tức	-		(13.998.750.000)	(13.998.750.000)
Thù lao HĐQT&BKS	-		(342.000.000)	(342.000.000)
Số dư cuối năm	363.998.750.000	-	14.532.261.804	378.531.011.804
<b>NĂM NAY</b>				
Số dư đầu năm	363.998.750.000	-	14.532.261.804	378.531.011.804
Tăng vốn	181.999.380.000	(172.650.000)	-	181.826.730.000
Lãi trong năm	-		27.819.801.231	27.819.801.231
Thù lao HĐQT&BKS	-		(544.000.000)	(544.000.000)
Tăng khác	-		8.833.603	8.833.603
Số dư cuối năm	545.998.130.000	(172.650.000)	41.816.896.638	587.642.376.638

(\*) Đây là khoản chi phí liên quan đến phát hành cổ phiếu tăng vốn trong năm

*Cổ phiếu*

	<u>Cuối năm</u> <i>Cổ phiếu</i>	<u>Đầu năm</u> <i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	54.599.813	36.399.875
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	54.599.813	36.399.875
Cổ phiếu phổ thông	54.599.813	36.399.875
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	54.599.813	36.399.875
Cổ phiếu phổ thông	54.599.813	36.399.875
Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

(Đơn vị tính: VND)

1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	Doanh thu	101.806.464.515	43.750.701.155
	Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	101.806.464.515	43.750.701.155
	Các khoản giảm trừ	-	-
	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>101.806.464.515</b>	<b>43.750.701.155</b>
2.	Giá vốn hàng bán	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ	69.885.733.922	27.320.463.940
	<b>Cộng</b>	<b>69.885.733.922</b>	<b>27.320.463.940</b>
3.	Doanh thu hoạt động tài chính	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.032.286.692	4.013.455.013
	Lãi từ bán cổ phần	-	2.798.400.000
	Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.600.000.000	180.043.852
	<b>Cộng</b>	<b>3.632.286.692</b>	<b>6.991.898.865</b>
4.	Chi phí tài chính	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	Lãi tiền vay	1.489.318.156	7.939.626.552
	<b>Cộng</b>	<b>1.489.318.156</b>	<b>7.939.626.552</b>

**5. Thu nhập khác và chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>23.352.034.019</b>	<b>22.000.040.000</b>
Thu nhập từ thanh lý quyền sử dụng đất	23.307.476.000	22.000.000.000
Thu nhập khác	44.558.019	40.000
<b>Chi phí khác</b>	<b>13.503.306.000</b>	<b>14.410.585.477</b>
Nguyên giá của Quyền sử dụng đất thanh lý	13.358.306.000	14.403.442.500
Chi phí khác	145.000.000	7.142.977
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>9.848.728.019</b>	<b>7.589.454.523</b>

**6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN Công ty mẹ	7.431.647.135	4.045.903.592
Thuế TNDN Các công ty con	134.020.393	-
<b>Cộng chi phí thuế TNDN</b>	<b>7.565.667.528</b>	<b>4.045.903.592</b>

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.819.801.231	12.317.754.628
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	42.582.868	35.556.115
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>653</b>	<b>346</b>

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	546.960.253	6.324.547.132
Chi phí nhân công	3.627.767.174	2.427.043.628
Chi phí khấu hao tài sản cố định	752.287.233	1.007.822.604
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.561.808.404	7.929.290.401
Chi phí khác	241.110.277	4.316.438.415
<b>Cộng</b>	<b>8.729.933.341</b>	<b>22.005.142.180</b>

**VIII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

*Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc*

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của Ban Giám đốc	670.866.530	389.584.367
Các khoản phúc lợi khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>670.866.530</b>	<b>389.584.367</b>

**2. Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chủ yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

*Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý*

Công ty có hoạt động kinh doanh chủ yếu tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh.

*Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Hoạt động chủ yếu của Công ty là cho thuê căn hộ, kinh doanh bất động sản và mua bán nguyên vật liệu, hàng hóa.

	Hoạt động cho thuê căn hộ	Hoạt động kinh doanh BĐS	Hoạt động thương mại	Cộng
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	9.081.609.130	72.086.094.130	20.638.761.255	101.806.464.515
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận	-	-	-	-
Khấu hao và chi phí phân bổ	(994.428.409)	(48.351.844.535)	(20.539.460.978)	(69.885.733.922)
Chi phí không phân bổ	-	-	-	(8.394.944.817)
Doanh thu tài chính	-	-	-	3.632.286.692
Chi phí tài chính	-	-	-	(1.489.318.156)
Thu nhập khác	-	-	-	23.352.034.019
Chi phí khác	-	-	-	(13.503.306.000)
Lãi (lỗ) từ liên doanh liên kết	-	-	-	100.816.401
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	<b>35.618.298.732</b>
Chi phí thuế	-	-	-	(7.565.667.528)
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	<b>28.052.631.204</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản bộ phận	14.451.791.188	185.282.764.013	51.566.354.887	251.300.910.088
Tài sản không phân bổ	-	-	-	390.543.253.006
Tổng tài sản	-	-	-	641.844.163.094
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Nợ phải trả bộ phận	-	22.453.365.000	621.889.713	23.075.254.713
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	6.385.214.583
Tổng nợ phải trả	-	-	-	29.460.469.296

### 3. Công cụ tài chính

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

#### 3.1. Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	Cuối năm	Đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.698.678.192	5.677.465.915
Phải thu khách hàng và phải thu khác	92.064.211.609	60.122.812.237
Đầu tư ngắn hạn	-	6.100.896.000
Đầu tư dài hạn	104.540.816.401	49.180.000.000
Tài sản tài chính khác	22.360.000	110.168.000
<b>Cộng</b>	<b>208.326.066.202</b>	<b>121.191.342.152</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Các khoản vay	10.800.000.000	36.067.006.002
Phải trả người bán và phải trả khác	13.618.641.466	1.705.481.234
Chi phí phải trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b>24.418.641.466</b>	<b>37.772.487.236</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

#### 3.2. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

#### 3.3. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

##### 3.3.1. Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**3.3.2. Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

**3.3.3. Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**3.3.4. Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phải sinh và tài sản tài chính phi phải sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng
<b>NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>			
<b>Số dư cuối kỳ</b>			
Các khoản vay	-	10.800.000.000	10.800.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	13.618.641.466	-	13.618.641.466
Chi phí phải trả	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>13.618.641.466</b>	<b>10.800.000.000</b>	<b>24.418.641.466</b>
<b>Số dư đầu kỳ</b>			
Các khoản vay	-	36.067.006.002	36.067.006.002
Phải trả người bán và phải trả khác	1.705.481.234	-	1.705.481.234
Chi phí phải trả	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.705.481.234</b>	<b>36.067.006.002</b>	<b>37.772.487.236</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>			
<b>Số dư cuối kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.698.678.192	-	11.698.678.192
Phải thu khách hàng và phải thu khác	92.064.211.609	-	92.064.211.609
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	104.540.816.401	104.540.816.401
Tài sản tài chính khác	22.360.000	-	22.360.000
<b>Cộng</b>	<b>103.785.249.801</b>	<b>104.540.816.401</b>	<b>208.326.066.202</b>
<b>Số dư đầu kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.677.465.915	-	5.677.465.915
Phải thu khách hàng và phải thu khác	60.122.812.237	-	60.122.812.237
Đầu tư ngắn hạn	6.100.896.000	-	6.100.896.000
Đầu tư dài hạn	-	49.180.000.000	49.180.000.000
Tài sản tài chính khác	110.168.000	-	110.168.000
<b>Cộng</b>	<b>72.011.342.152</b>	<b>49.180.000.000</b>	<b>121.191.342.152</b>

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Cam kết hoạt động

Công ty không có khoản cam kết thuê hoạt động nào tính đến ngày 31/12/2014.

6. Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào tính đến ngày 31/12/2014.

7. Số liệu so sánh

Đây là năm đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất do đó số liệu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất số đầu năm và Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lấy từ Báo cáo tài chính Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á.



Nguyễn Nhân Bảo  
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 03 năm 2015

Cao Thị Bích Loan  
Kế toán trưởng

Đỗ Nguyễn Tuyết Vân  
Người lập biểu